

Số: 687/QĐ-CDN

An Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng
Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 193/BLĐTBXH, ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-CDN, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang, về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp chuyên môn trình độ trung cấp khóa T22, khóa ngày 22/7/2024 tại Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Biên bản số 686/BB-CDN, ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng nghề An Giang về việc xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng, khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng, khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng cho 487 sinh viên (có danh sách đính kèm), đã đạt kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22, khóa ngày 17/3/2025 tại Trường Cao đẳng nghề An Giang. Trong đó:

- Kế toán doanh nghiệp:	56 sinh viên.
- Lập trình máy tính:	31 sinh viên.
- Quản trị mạng máy tính:	25 sinh viên.
- KT. Sửa chữa, lắp ráp MT:	22 sinh viên.
- Điện công nghiệp:	51 sinh viên.
- Công nghệ ô tô:	94 sinh viên.
- Cơ điện tử:	19 sinh viên.
- Kỹ thuật xây dựng:	20 sinh viên.
- Quản trị nhà hàng:	47 sinh viên (có 01 sinh viên về thi lại).
- May thời trang:	21 sinh viên.
- CN. KT ĐK & tự động hóa:	09 sinh viên.
- Lắp đặt thiết bị cơ khí:	23 sinh viên.
- KT. Máy lạnh & ĐHKK:	69 sinh viên.

Điều 2. Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi và cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng cho các sinh viên có tên tại Điều 1 đúng theo qui chế của Bộ LĐTBXH đã ban hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng CTHSSV – QHDN - HTQT và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. ĐTNCKH.



Nguyễn Thanh Hải

DANH SÁCH
Sinh viên được công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22 - Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 687/QĐ-CDN, ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Lý thuyết	Thực hành			
1	1	Nguyễn Thị Châm Anh	Nữ	09/09/2001	An Giang	8,2	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,5	8,2	Khá	Thi lại: Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán
2	2	Nguyễn Thị Kỳ Anh	Nữ	17/06/2003	An Giang	7,5	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	8,5	8,5	8,0	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết kế toán
3	3	Phạm Thị Kim Ánh	Nữ	27/07/2004	An Giang	8,4	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	8,9	Giỏi	
4	4	Mai Thị Kim Chi	Nữ	07/05/2003	An Giang	7,2	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	6,5	7,4	Khá	
5	5	Khruu Thị Hân Em	Nữ	04/06/2004	An Giang	8,5	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,0	10,0	9,1	Xuất sắc	
6	6	Trần Thị Ngọc Huy	Nữ	10/11/2004	An Giang	7,1	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Kinh tế vi mô
7	7	Nguyễn Thị Lam Kiều	Nữ	10/09/2004	An Giang	7,9	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	10,0	9,0	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết kế toán; Tài chính doanh nghiệp 2
8	8	Trình Thị Mỹ Linh	Nữ	23/11/2001	An Giang	7,7	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,0	7,8	Khá	
9	9	Thiều Quang Bảo Long	Nam	18/09/2004	An Giang	7,2	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	8,3	Khá	Thi lại: Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán
10	10	Nguyễn Minh Luân	Nam	17/12/2000	An Giang	9,5	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,5	9,4	Xuất sắc	
11	11	Nguyễn Thị Kiều My	Nữ	08/06/2000	An Giang	7,8	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7,0	8,0	7,7	Khá	
12	12	Dương Thị Tố Mỹ	Nữ	18/12/2003	An Giang	8,1	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Kinh tế vi mô
13	13	Phan Nhựt Nam	Nam	12/01/1998	An Giang	9,3	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,6	Xuất sắc	
14	14	Phạm Thị Thu Ngân	Nữ	29/04/2001	An Giang	9,6	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,7	Xuất sắc	
15	15	Nguyễn Việt Nghị	Nam	23/10/1993	An Giang	9,7	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,8	Xuất sắc	
16	16	Dương Thị Bích Ngọc	Nữ	01/09/2004	An Giang	7,1	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	10,0	8,6	Khá	Thi lại: Lý thuyết tài chính tiền tệ; Lý thuyết kế toán
17	17	Phạm Thị Mỹ Nhiên	Nữ	02/02/2004	An Giang	8,5	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,2	Giỏi	Thi lại: Tài chính doanh nghiệp 1
18	18	Huỳnh Thị Như	Nữ	01/04/2002	An Giang	8,9	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,4	Xuất sắc	
19	19	Nguyễn Thị Tú Như	Nữ	04/05/2004	An Giang	9,0	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,4	Xuất sắc	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
20	20	Huỳnh Văn	Thái	Nam	10/10/1995	An Giang	7,6	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	8,7	Khá	Thi lại: Kỹ năng giao tiếp; Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán
21	21	Trần Chí	Thành	Nam	31/12/2003	An Giang	7,2	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,5	8,4	Khá	Thi lại: Kỹ năng thực hành xã hội; Kinh tế vi mô; Kế toán doanh nghiệp 1 Học lại: Tiếng anh
22	22	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	30/10/2003	An Giang	8,8	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	8,5	9,0	8,8	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết kế toán
23	23	Lê Thị Cẩm	Tiên	Nữ	14/05/2003	An Giang	7,6	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	8,5	8,3	Khá	Thi lại: Kinh tế vi mô; Tài chính doanh nghiệp 1 Học lại: Tiếng anh
24	24	Trần Huỳnh	Trang	Nữ	02/01/2004	An Giang	7,6	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	10,0	10,0	8,8	Khá	Thi lại: Lý thuyết tài chính tiền tệ; Nguyên lý thống kê; Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán; Tin học
25	25	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	08/07/2004	An Giang	7,6	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	6,5	8,5	7,7	Khá	
26	26	Phạm Đình	Trí	Nam	30/05/2004	An Giang	8,7	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	5,0	9,5	8,4	Giỏi	Thi lại: Kinh tế vi mô
27	27	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	07/06/2004	An Giang	8,4	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,5	8,9	Giỏi	
28	28	Hứa Thị Tường	Vy	Nữ	10/08/2002	An Giang	8,0	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	6,5	8,0	7,8	Khá	
29	29	La Thị Tường	Vy	Nữ	04/01/2004	An Giang	8,2	C22KDN1	Kế toán doanh nghiệp	7,0	7,0	7,6	Khá	
30	30	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	Nữ	27/04/2004	Cần Thơ	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,0	6,5	6,9	Trung bình	
31	31	Huỳnh Thị Minh	Anh	Nữ	08/04/2004	An Giang	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	5,0	5,9	Trung bình	
32	32	Đình Thị Phước	Diệu	Nữ	01/05/2003	An Giang	7,6	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	8,5	Giỏi	Thi lại: Tài chính doanh nghiệp 1
33	33	Đào Quốc	Huy	Nữ	26/01/2004	An Giang	7,1	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	9,0	7,5	Khá	
34	34	Nguyễn Hữu	Khánh	Nam	01/09/2003	An Giang	8,9	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	9,5	9,1	Xuất sắc	
35	36	Lê Thị Thanh	Loan	Nữ	12/03/2004	An Giang	8,6	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	8,5	8,6	Giỏi	
36	37	Nguyễn Thị Thanh	Lý	Nữ	31/05/2004	An Giang	7,0	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,0	10,0	8,3	Khá	Học lại: Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán; Kế toán quản trị Thi lại: Kế toán doanh nghiệp 1
37	38	Lê Thị Mỹ	Nghi	Nữ	25/06/2004	An Giang	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,0	6,0	6,2	Trung bình	
38	40	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	Nữ	13/06/2004	An Giang	8,2	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	9,5	8,5	Khá	Thi lại: Kinh tế quốc tế; Kinh tế vi mô
39	41	Hồ Thị Yến	Ni	Nữ	19/06/2002	An Giang	9,3	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	10,0	9,6	Xuất sắc	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
40	42	Trương Thị Kim	Phượng	Nữ	06/05/2004	Cần Thơ	8,0	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	9,0	8,6	Giỏi	Thi lại: Thực hành kế toán doanh nghiệp
41	43	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	29/01/2004	An Giang	6,8	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	7,5	7,3	Khá	
42	44	Huỳnh Như	Quỳnh	Nữ	17/01/2004	An Giang	6,4	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,0	6,5	6,2	Trung bình	
43	45	Quang Nhựt	Tân	Nam	20/10/2004	An Giang	6,9	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	5,5	6,0	6,4	Trung bình	
44	46	Đình Hoàng Quốc	Thái	Nam	12/05/2004	An Giang	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,0	7,3	Khá	
45	47	Phạm Phùng Thuận	Thành	Nam	26/05/2004	An Giang	8,4	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,0	9,0	8,5	Khá	Thi lại: Kinh tế vi mô; Tin học
46	48	Lê Nữ Kim	Thoa	Nữ	06/10/2004	An Giang	6,8	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	6,0	8,0	7,1	Khá	
47	49	Lê Minh	Thống	Nam	10/09/2004	An Giang	7,0	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	8,5	7,8	Khá	
48	50	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	07/12/2003	An Giang	8,0	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	10,0	9,0	Giỏi	Thi lại: Kinh tế vi mô; Kế toán ngân hàng
49	51	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	27/11/2004	An Giang	8,2	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,0	8,8	Giỏi	Thi lại: Kinh tế vi mô
50	52	Nguyễn Công	Toàn	Nam	23/10/2004	Bình Dương	8,8	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,5	9,2	Xuất sắc	
51	53	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	09/01/2004	An Giang	8,8	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	9,5	9,2	Xuất sắc	
52	54	Trần Thị Kiều	Trinh	Nữ	16/03/2004	An Giang	7,6	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	10,0	7,5	8,0	Khá	Thi lại: Kinh tế vi mô; Lý thuyết kế toán; Tài chính doanh nghiệp 2; Thị trường chứng khoán; Kế toán ngân hàng
53	55	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Nữ	28/01/2004	An Giang	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,0	8,0	7,2	Khá	
54	56	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	22/07/2004	An Giang	7,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	9,5	9,5	8,6	Khá	Thi lại: Lý thuyết kế toán; Kế toán ngân hàng
55	57	Nguyễn Thị Thúy	Vi	Nữ	17/04/2004	An Giang	7,5	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	8,5	7,0	7,5	Khá	
56	58	Hồ Thị	Xuân	Nữ	02/02/2004	An Giang	7,3	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	7,5	8,0	7,6	Khá	
57	73	Huỳnh Tấn	An	Nam	09/10/2002	Đồng Tháp	7,6	C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	9,0	7,6	Khá	
58	74	Lê Tiến	Đạt	Nam	16/07/2004	An Giang	8,0	C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	9,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Tiếng anh
59	75	Nguyễn Quốc	Đạt	Nam	01/07/2004	An Giang	7,8	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,0	8,5	7,9	Khá	
60	76	Trần Minh	Đạt	Nam	08/10/2002	Kiên Giang	7,5	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	9,0	8,0	Giỏi	
61	77	Nguyễn Tài	Đức	Nam	01/07/2004	An Giang	9,0	C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	8,0	8,8	Giỏi	
62	78	Võ Thành	Hoài	Nam	26/05/2001	An Giang	7,3	C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	9,0	7,7	Khá	
63	79	Bùi Nhất	Hoàng	Nam	03/11/2000	An Giang	8,8	C22LTM1	Lập trình máy tính	6,0	9,0	8,4	Giỏi	
64	80	Trần Huy	Hoàng	Nam	09/04/2002	An Giang	8,1	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	8,0	8,0	Giỏi	
65	81	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	04/07/2004	An Giang	7,7	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	7,0	7,5	Khá	
66	82	Lư Huỳnh Công	Khanh	Nam	10/06/1999	An Giang	8,5	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	9,0	8,6	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
67	83	Tạ Anh	Kiệt	Nam	09/12/2000	An Giang	8,8	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,0	9,5	8,7	Giỏi	Thi lại: Lập trình Windows 2
68	84	Võ Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	27/07/2004	An Giang	8,5	C22LTM1	Lập trình máy tính	6,0	9,5	8,4	Giỏi	
69	85	Võ Ngọc	Linh	Nam	15/09/2001	Đồng Tháp	9,3	C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	9,0	9,2	Xuất sắc	
70	86	Nguyễn Văn	Minh	Nam	26/04/2003	An Giang	8,9	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,0	8,9	Giỏi	
71	87	Nguyễn Văn	Nhàn	Nam	31/03/2004	An Giang	8,4	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	9,5	8,6	Giỏi	
72	88	Huỳnh Trọng	Nhân	Nam	03/04/2004	An Giang	7,8	C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	8,5	8,3	Giỏi	
73	89	Ngụy Sử	Phong	Nam	28/07/2003	An Giang	7,9	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	6,5	7,4	Khá	
74	90	Huỳnh Minh	Phúc	Nam	31/01/2004	An Giang	7,7	C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	8,5	7,5	Khá	
75	91	Phan Thành	Phúc	Nam	15/02/2004	An Giang	8,7	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,5	8,9	Giỏi	
76	92	Đỗ Đăng	Quang	Nam	05/05/2004	An Giang	8,4	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	9,0	8,6	Giỏi	
77	93	Nguyễn Hoàng	Quang	Nam	28/06/2004	An Giang	8,1	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	7,5	7,8	Khá	
78	94	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	11/04/2004	An Giang	8,2	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	8,0	8,2	Giỏi	
79	95	Phùng Tín	Thành	Nam	24/04/2004	Đồng Tháp	8,2	C22LTM1	Lập trình máy tính	6,5	8,5	8,0	Giỏi	Thi lại: Tiếng anh
80	96	Võ Phước	Thiện	Nam	21/02/2004	Đồng Tháp	8,4	C22LTM1	Lập trình máy tính	5,0	8,5	7,9	Khá	
81	97	Lâm Đức	Thịnh	Nam	12/10/2004	An Giang	7,7	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,5	8,5	8,1	Giỏi	Thi lại: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
82	98	Dương Hà Quốc	Tiến	Nam	22/01/2004	An Giang	7,7	C22LTM1	Lập trình máy tính	8,0	8,5	8,0	Khá	Thi lại: Mạng căn bản; Tiếng anh
83	99	Lê Trung	Tín	Nam	24/07/2003	An Giang	8,0	C22LTM1	Lập trình máy tính	10,0	8,0	8,3	Giỏi	
84	100	Phạm Hoàng	Tín	Nam	26/04/2004	An Giang	7,6	C22LTM1	Lập trình máy tính	9,0	8,5	8,1	Khá	Thi lại: Mạng căn bản; Tiếng anh
85	101	Hà Thị Ngọc	Trâm	Nữ	24/06/2004	Kiên Giang	7,6	C22LTM1	Lập trình máy tính	7,5	8,5	7,9	Khá	
86	102	Đỗ Văn	Vũ	Nam	09/12/2004	An Giang	8,1	C22LTM1	Lập trình máy tính	10,0	9,0	8,7	Giỏi	
87	103	Võ Hoàng	Vũ	Nam	08/06/2004	An Giang	9,2	C22LTM1	Lập trình máy tính	9,5	9,5	9,4	Xuất sắc	
88	104	Lý Ngọc	Ân	Nam	02/02/2004	An Giang	7,0	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	6,0	7,2	Khá	
89	105	Trần Quyền	Anh	Nam	06/11/2004	An Giang	7,9	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,5	7,0	7,5	Khá	
90	106	Lý Gia	Bảo	Nam	15/11/2004	An Giang	7,4	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,0	7,7	Khá	
91	107	Đặng Minh	Cần	Nam	07/07/2004	An Giang	7,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	8,5	6,0	7,1	Khá	
92	108	Nguyễn Duy	Đăng	Nam	08/05/2004	An Giang	7,1	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	6,5	7,3	Khá	
93	109	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	19/02/2004	An Giang	8,4	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	8,0	6,5	7,7	Khá	
94	110	Huỳnh Ngọc	Hải	Nam	09/04/2004	Đồng Tháp	6,9	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,0	7,5	Khá	
95	111	Trần Văn	Khôi	Nam	05/04/2004	An Giang	8,6	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	8,0	8,6	Giỏi	Thi lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính
96	112	Bùi Tuấn	Kiệt	Nam	19/10/2003	An Giang	8,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	9,5	8,9	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
97	113	Nguyễn Trương Công	Lập	Nam	09/04/2004	An Giang	8,0	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	8,5	8,3	Khá	Thi lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính; Công nghệ mạng không dây
98	114	Nguyễn Lê Từ	Liên	Nam	23/01/2004	TP. HCM	8,2	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	8,6	Giỏi	
99	115	Ngô Nguyễn Phương	Nam	Nam	12/08/2004	An Giang	7,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,5	5,5	6,7	Trung bình	
100	116	Đặng Thị Kim	Ngân	Nữ	23/11/2004	An Giang	8,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	8,5	8,7	Giỏi	
101	117	Trần Thị Tuyết	Như	Nữ	01/03/2003	An Giang	6,5	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
102	118	Bùi Lê Như	Quỳnh	Nữ	10/10/2004	An Giang	7,7	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	8,4	Khá	Học lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính Thi lại: Đọc hiểu bản vẽ xây dựng; Tin học
103	119	Thái Trần Hồng	Thạch	Nam	12/09/2004	An Giang	8,0	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	8,0	8,3	Giỏi	Học lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính
104	120	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	19/03/2002	Cần Thơ	8,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,0	8,7	Giỏi	
105	121	Lâm Nhật	Thắng	Nam	25/03/2004	An Giang	7,3	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	6,0	7,2	Khá	
106	122	Lê Hoàng	Thọ	Nam	07/09/1999	An Giang	8,8	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	5,0	9,0	8,2	Giỏi	Thi lại: Giáo dục chính trị
107	123	Huỳnh Phước	Thọ	Nam	01/11/2004	An Giang	6,9	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	5,5	6,9	Trung bình	
108	124	Trương Trúc	Thư	Nữ	18/08/2004	An Giang	7,9	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	7,5	8,1	Khá	Thi lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính; Đọc hiểu bản vẽ xây dựng; Thiết kế và cấu hình Website
109	125	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	06/07/2004	An Giang	7,4	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	10,0	6,5	7,5	Khá	
110	127	Trần Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	24/12/2004	An Giang	7,2	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	7,0	5,5	6,6	Trung bình	
111	128	Lâm Thị Cẩm	Tú	Nữ	14/07/2004	An Giang	9,0	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,0	9,5	9,2	Xuất sắc	
112	129	Huỳnh Thành	Vĩ	Nam	04/03/2004	Đồng Tháp	8,5	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	9,5	8,5	8,7	Giỏi	Thi lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính
113	130	Dương Gia	Bảo	Nam	05/11/2002	An Giang	7,5	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,0	8,5	7,8	Khá	
114	131	Phạm Nghi	Bình	Nam	25/11/2004	Cần Thơ	8,0	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
115	132	Hồ Trần Nhật	Cường	Nam	13/03/2004	An Giang	8,2	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	8,0	8,4	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
116	133	Cao Vũ	Đăng	Nam	16/06/2002	An Giang	8,1	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	10,0	9,1	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
117	134	Trần Lê Minh	Duy	Nam	12/09/1997	An Giang	8,8	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	10,0	9,2	Xuất sắc	
118	135	Nguyễn Chấn	Huy	Nam	19/09/2004	An Giang	8,3	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	10,0	9,0	Xuất sắc	
119	136	Nguyễn Minh	Nhân	Nam	18/10/2004	An Giang	8,5	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,5	10,0	9,2	Xuất sắc	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
120	137	Trần Ngọc	Phát	Nam	31/07/2004	An Giang	7,6	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,5	10,0	8,7	Giỏi	
121	138	Trần Ngọc Gia	Phát	Nam	30/03/2004	An Giang	7,5	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	8,5	8,1	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
122	139	Võ Đình	Phi	Nam	11/01/2004	An Giang	7,6	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	8,6	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
123	140	Lý Khánh	Son	Nam	12/10/2002	An Giang	7,1	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	9,5	8,1	Giỏi	
124	141	Trần Minh	Tâm	Nam	28/07/2004	An Giang	7,6	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	8,6	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
125	142	Cao Minh	Thái	Nam	18/01/2004	An Giang	6,7	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,0	6,5	6,5	Trung bình	
126	143	Lê Công	Thành	Nam	31/10/2004	Cần Thơ	7,2	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,5	9,0	7,7	Khá	
127	144	Phùng Gia	Thịnh	Nam	07/07/2003	An Giang	7,7	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	8,7	Giỏi	
128	145	Lê Hồng	Thịnh	Nam	07/09/2004	An Giang	7,4	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	9,0	7,5	7,7	Khá	
129	146	Trần Thái	Toàn	Nam	12/08/2004	An Giang	8,1	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	10,0	9,1	Xuất sắc	
130	147	Huỳnh Thanh	Tú	Nam	16/12/2004	An Giang	6,1	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	6,5	6,5	6,3	Trung bình	
131	148	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	27/07/2004	An Giang	7,7	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	7,5	10,0	8,4	Giỏi	Thi lại: Lắp ráp và cài đặt máy tính
132	149	Huỳnh Quốc	Tỷ	Nam	30/11/2004	Bạc Liêu	7,8	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	10,0	9,5	8,7	Giỏi	Học lại: Kỹ thuật điện - điện tử
133	150	Bùi Thế	Vinh	Nam	17/03/2003	An Giang	7,9	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	10,0	8,6	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
134	151	Nguyễn Trí	Võ	Nam	05/07/2004	An Giang	8,2	C22KLR1	KT. Sửa chữa, lắp ráp MT	8,0	10,0	8,8	Giỏi	Thi lại: Kỹ thuật điện - điện tử
135	166	Phạm Quốc	Anh	Nam	01/01/2004	An Giang	7,2	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	6,5	7,1	Khá	
136	167	Phạm Phước	Đông	Nam	12/09/1998	An Giang	9,0	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	10,0	8,5	9,0	Xuất sắc	
137	168	Lê Văn	Dur	Nam	09/06/2002	An Giang	8,1	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	6,5	7,5	7,6	Khá	
138	169	Nguyễn Tuấn	Hoàng	Nam	27/12/2004	An Giang	8,4	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Truyền động điện
139	170	Trần Quốc	Hùng	Nam	01/02/2001	An Giang	8,3	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	8,0	8,2	Giỏi	
140	171	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	20/05/2002	An Giang	8,1	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	7,5	7,9	Khá	
141	172	Lương Thị Mỹ	Huyền	Nữ	13/10/2004	An Giang	8,6	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,5	8,6	Khá	Thi lại: Tin học; Truyền động điện
142	173	Lê Đình	Khánh	Nam	18/07/2004	Cần Thơ	8,2	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,5	8,2	Khá	Thi lại: Kỹ năng thực hành xã hội; Truyền động điện
143	174	Đoàn Minh	Khiêm	Nam	08/05/2004	An Giang	7,4	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	7,0	7,4	Khá	
144	175	Hồ Hữu	Luân	Nam	20/09/2004	An Giang	7,7	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	7,5	7,9	Khá	
145	176	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	01/11/2003	An Giang	8,2	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	9,0	8,6	Giỏi	Thi lại: Kỹ năng thực hành xã hội
146	177	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	20/09/1998	Kiên Giang	8,5	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	9,5	8,8	Giỏi	
147	178	Trần Văn	Phúc	Nam	12/07/2003	An Giang	7,3	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	6,5	7,2	Khá	
148	179	Phạm Hoàng	Phúc	Nam	03/01/1998	An Giang	8,2	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,0	8,3	Giỏi	
149	180	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	15/04/2004	An Giang	7,6	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,5	6,5	7,6	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
150	181	Dương Phước	Thắng	Nam	10/07/2002	An Giang	8,8	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,5	8,5	8,8	Giỏi	Thi lại: Truyền động điện
151	182	Lê Văn	Thanh	Nam	19/10/2000	An Giang	7,8	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	8,0	8,0	Giỏi	
152	183	Dương Thiện	Thanh	Nam	09/08/2004	An Giang	7,9	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,5	8,5	8,2	Giỏi	
153	184	Nguyễn Phước	Thành	Nam	19/10/2004	An Giang	7,5	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	7,5	7,5	Khá	
154	185	Nguyễn Hiếu	Thiện	Nam	17/01/2004	An Giang	7,3	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	6,5	7,1	Khá	
155	186	Phan Công	Toàn	Nam	01/04/2001	An Giang	8,1	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,5	8,1	Giỏi	
156	187	Trần Văn	Toàn	Nam	29/03/2003	An Giang	7,5	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	8,0	8,0	7,8	Khá	
157	188	Nguyễn Thành	Trung	Nam	25/02/2000	An Giang	7,3	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	9,0	8,0	7,8	Khá	
158	189	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	Nam	29/10/1999	An Giang	8,1	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	7,5	8,0	8,0	Giỏi	Thi lại: Truyền động điện
159	190	Hồ Thanh	Vinh	Nam	09/10/2004	An Giang	7,4	C22ĐCN1	Điện công nghiệp	10,0	6,5	7,5	Khá	
160	191	Ôn Gia	Bảo	Nam	05/09/2003	An Giang	8,3	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	8,1	Giỏi	
161	192	Bùi Minh	Chiến	Nam	22/04/2004	An Giang	7,3	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,0	7,4	Khá	
162	193	Trương Chí	Đức	Nam	21/08/2004	An Giang	8,8	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	8,7	Giỏi	
163	194	Trần Ngọc	Duy	Nam	07/07/2004	TP. HCM	7,7	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	5,0	7,5	7,2	Khá	
164	195	Lê Trương Trường	Giang	Nam	14/02/2004	An Giang	7,9	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	7,5	7,5	7,7	Khá	
165	196	Dương Văn	Hào	Nam	23/03/1998	An Giang	7,8	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	7,0	7,6	Khá	
166	197	Nguyễn Tuấn	Hậu	Nam	02/01/2004	An Giang	8,9	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	9,0	9,0	Xuất sắc	
167	198	Bạch Ngọc	Hồ	Nam	25/07/1999	An Giang	7,9	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	7,5	7,5	7,7	Khá	
168	199	Hồ Duy	Hữu	Nam	22/11/2004	An Giang	7,7	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	6,5	7,4	Khá	
169	200	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	28/05/2004	An Giang	7,0	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	7,4	Khá	
170	201	Phạm Công	Minh	Nam	27/10/2004	An Giang	7,9	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	7,9	Khá	
171	202	Đỗ Thành	Nghĩa	Nam	08/02/2004	An Giang	8,5	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	9,0	8,8	Giỏi	
172	203	Phạm Minh Trọng	Nghĩa	Nam	04/08/2004	An Giang	7,7	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	7,5	7,9	Khá	
173	204	Nguyễn Chí	Nguyên	Nam	20/07/2004	An Giang	8,6	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	8,2	Giỏi	
174	205	Huỳnh Bá	Nhân	Nam	24/08/2004	An Giang	7,8	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	8,0	7,9	Khá	
175	206	Võ Hoàng	Phúc	Nam	04/02/2004	An Giang	7,3	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	7,5	7,7	Khá	
176	207	Trần Thanh	Phụng	Nam	09/03/2004	An Giang	9,0	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	10,0	9,0	9,2	Xuất sắc	
177	208	Phan Minh	Phước	Nam	17/01/2004	An Giang	7,7	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	7,8	Khá	
178	209	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	30/08/2004	An Giang	7,7	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,5	7,5	7,8	Khá	
179	210	Ngô Chí	Tâm	Nam	31/03/2004	An Giang	8,1	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	8,0	8,5	8,2	Giỏi	
180	211	Đinh Công	Thật	Nam	14/10/2004	An Giang	8,4	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	8,5	Giỏi	
181	212	Đặng Đức	Thịnh	Nam	27/09/2004	An Giang	8,1	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	9,0	8,6	Giỏi	Thi lại: Điện tử cơ bản
182	213	Nguyễn Dương	Tiền	Nam	24/05/2004	An Giang	7,4	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	10,0	7,5	7,9	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
183	214	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	18/08/2004	An Giang	7,5	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,5	7,0	7,7	Khá	
184	215	Lê Bảo	Trung	Nam	06/09/2004	An Giang	7,9	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Điện tử cơ bản
185	216	Triệu Văn	Tuấn	Nam	07/09/2004	An Giang	8,5	C22ĐCN2	Điện công nghiệp	9,0	8,5	8,6	Giỏi	
186	221	Nguyễn Kim	Bằng	Nam	20/11/2003	An Giang	7,1	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	7,5	Khá	
187	222	Hà Kim	Cương	Nam	24/11/2003	Cần Thơ	8,5	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	9,0	8,6	Giỏi	
188	223	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	16/06/2004	An Giang	7,4	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	7,6	Khá	
189	224	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/01/2004	An Giang	7,5	C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	9,0	7,9	Khá	
190	225	Nguyễn Đông	Đông	Nam	27/06/2001	An Giang	7,8	C22CNO1	Công nghệ ô tô	5,5	7,5	7,3	Khá	
191	226	Lâm Văn Dĩ	Hào	Nam	17/05/2004	An Giang	6,6	C22CNO1	Công nghệ ô tô	9,0	7,0	7,1	Khá	
192	227	Nguyễn Văn	Hạo	Nam	23/07/2003	An Giang	6,7	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,5	6,9	Trung bình	
193	228	Đào Nguyễn Quang	Lê	Nam	21/08/2004	Cần Thơ	7,8	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	7,9	Khá	
194	229	Đỗ Quang	Linh	Nam	12/11/2004	An Giang	7,4	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,5	7,5	Khá	
195	230	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	09/02/2004	An Giang	7,0	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	7,4	Khá	
196	231	Mai Văn	Quốc	Nam	30/07/2003	An Giang	7,0	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	7,1	Khá	
197	232	Huỳnh Phước	Sang	Nam	12/02/2004	Đồng Tháp	6,8	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,0	6,7	Trung bình	
198	233	Nguyễn Văn	Tấn	Nam	12/07/2004	An Giang	7,3	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,0	7,3	Khá	
199	234	Nguyễn Thành	Thái	Nam	01/01/2004	An Giang	7,1	C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	7,1	Khá	
200	235	Cao Quốc	Thái	Nam	07/02/2004	An Giang	7,2	C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,5	7,3	Khá	
201	236	Phạm Văn	Thắng	Nam	19/05/2004	An Giang	7,4	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	8,0	7,8	Khá	
202	237	Trần Tôn	Thiện	Nam	02/11/2000	An Giang	7,5	C22CNO1	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	7,3	Khá	
203	238	Ngô Thanh	Tiến	Nam	13/04/2004	Cần Thơ	7,4	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	7,0	7,4	Khá	
204	239	Mao	Tiến	Nam	01/10/2004	An Giang	7,3	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	6,5	7,2	Khá	
205	240	Nguyễn Trọng	Trí	Nam	23/02/2004	An Giang	7,0	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	7,5	Khá	
206	241	Huỳnh Lê Phước	Vinh	Nam	03/05/2004	An Giang	6,8	C22CNO1	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	7,2	Khá	
207	242	Trần Nhựt	Anh	Nam	31/05/2004	An Giang	7,3	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	8,5	7,7	Khá	
208	243	Lê Huỳnh Thanh	Đại	Nam	05/02/2004	An Giang	6,9	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	7,0	Khá	
209	244	Trần Nguyễn Huy	Đức	Nam	24/01/2004	An Giang	6,7	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,0	5,5	6,5	Trung bình	
210	245	Nguyễn Thành	Duy	Nam	01/11/2004	An Giang	7,9	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	8,5	8,2	Giỏi	Thi lại: Dung sai
211	246	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	02/08/2003	An Giang	6,5	C22CNO2	Công nghệ ô tô	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
212	247	Huỳnh Đan	Huy	Nam	13/12/2004	An Giang	8,0	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,0	8,5	8,2	Giỏi	
213	248	Trần Văn	Huy	Nam	22/09/2003	An Giang	7,2	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	7,4	Khá	
214	249	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	26/04/2004	An Giang	7,1	C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	7,8	Khá	
215	250	Thạch Chí	Khanh	Nam	17/07/2004	An Giang	7,1	C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	7,0	7,6	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
216	251	Nguyễn Hữu	Lễ	Nam	15/02/2004	An Giang	7,7	C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	8,5	8,4	Giỏi	
217	252	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	31/01/2004	An Giang	6,7	C22CNO2	Công nghệ ô tô	6,0	7,5	6,9	Trung bình	
218	253	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	17/06/2004	An Giang	7,4	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	8,5	8,0	Giỏi	Thi lại: Dung sai
219	254	Trần Minh	Nhật	Nam	04/02/2004	An Giang	7,0	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,0	7,0	Khá	
220	255	Lưu Vạn	Phát	Nam	17/10/2004	An Giang	8,1	C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	8,7	Giỏi	
221	256	Nguyễn Thành	Phú	Nam	12/01/2004	An Giang	7,4	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,5	7,5	7,5	Khá	
222	257	Trần Minh	Phúc	Nam	06/10/2004	An Giang	7,3	C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	7,3	Khá	
223	258	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	27/04/2004	An Giang	7,1	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,5	8,5	7,6	Khá	
224	259	Nguyễn Thái	Thuận	Nam	22/08/2003	An Giang	6,7	C22CNO2	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	7,1	Khá	
225	260	Phạm Trung	Tín	Nam	23/11/2004	An Giang	7,4	C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	7,7	Khá	
226	261	Nguyễn Thành	Trân	Nam	16/09/2003	An Giang	7,1	C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	7,6	Khá	
227	262	Trần Minh	Triết	Nam	03/12/2004	Kiên Giang	6,9	C22CNO2	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	7,5	Khá	
228	263	Lư Văn	Trọng	Nam	30/04/2004	An Giang	7,2	C22CNO2	Công nghệ ô tô	7,0	7,5	7,3	Khá	
229	265	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	17/09/2004	An Giang	7,0	C22CNO2	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	7,7	Khá	
230	267	Nguyễn Đăng Thiên	Định	Nam	24/04/2004	An Giang	7,6	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	7,5	Khá	
231	268	Phan Thành	Được	Nam	02/09/2004	An Giang	7,6	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,0	8,0	7,8	Khá	
232	269	Trần Phước	Hậu	Nam	10/06/2004	An Giang	7,4	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	7,5	7,6	Khá	
233	270	Nguyễn Minh	Hữu	Nam	20/08/2004	An Giang	7,8	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,5	9,0	8,2	Giỏi	
234	271	Nguyễn Đức	Huy	Nam	08/12/2003	An Giang	8,1	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	9,0	8,6	Giỏi	
235	272	Lâm Võ Minh	Hy	Nam	05/12/2002	An Giang	7,6	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	8,0	Giỏi	Thi lại: Trang bị điện ô tô 1
236	273	Nguyễn Quốc	Khang	Nam	12/09/2004	An Giang	6,9	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	7,2	Khá	
237	274	Trần Bảo	Khôi	Nam	23/09/2004	An Giang	7,0	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	7,2	Khá	
238	275	Lưu Tuấn	Kiệt	Nam	06/12/2004	An Giang	7,0	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	6,5	7,3	Khá	
239	276	Kiều Nghị	Lực	Nam	16/10/2004	An Giang	7,1	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	7,0	7,3	Khá	
240	277	Lê Đức	Nam	Nam	08/03/2004	An Giang	6,9	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,0	6,5	6,8	Trung bình	
241	278	Hồ Hữu	Nghĩa	Nam	02/11/2004	An Giang	8,5	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	8,9	Giỏi	
242	279	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	07/10/2004	An Giang	7,2	C22CNO3	Công nghệ ô tô	7,5	7,5	7,4	Khá	
243	280	Lê Hồng	Phúc	Nam	08/10/2004	An Giang	7,5	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	7,5	Khá	
244	281	Vũ Phạm Bình	Phương	Nam	16/07/2004	An Giang	7,6	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	7,9	Khá	
245	282	Lê Hữu	Quý	Nam	29/04/2004	An Giang	7,8	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	8,5	8,2	Giỏi	
246	283	Lê Hoàng	Sang	Nam	15/09/2003	An Giang	7,0	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,0	6,5	7,2	Khá	
247	284	Huỳnh Quang	Son	Nam	18/11/2004	An Giang	8,0	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Cơ kỹ thuật
248	285	Lê Hữu	Thắng	Nam	28/02/2004	Cần Thơ	7,2	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	7,4	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
249	286	Phạm Hữu	Thắng	Nam	08/12/2004	An Giang	7,1	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	7,1	Khá	
250	287	Nguyễn Trần	Thoại	Nam	21/06/2004	An Giang	7,5	C22CNO3	Công nghệ ô tô	8,0	8,5	7,9	Khá	
251	288	Hà Hữu	Tiến	Nam	04/06/2004	An Giang	7,2	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,0	7,6	Khá	
252	289	Tiêu Bảo	Tín	Nam	03/02/2004	Đồng Tháp	7,6	C22CNO3	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	8,0	Giỏi	
253	290	Lê Hồng	Ứng	Nam	16/02/2004	An Giang	7,2	C22CNO3	Công nghệ ô tô	9,5	6,5	7,4	Khá	
254	291	Trần Y	Bằng	Nam	28/08/2004	An Giang	7,6	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,5	6,5	7,4	Khá	
255	292	Nguyễn Bảo	Bảo	Nam	20/05/2003	An Giang	7,7	C22CNO4	Công nghệ ô tô	6,0	8,5	7,7	Khá	
256	293	Lê Văn	Công	Nam	08/05/2000	An Giang	7,1	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	7,8	Khá	
257	294	Hồ Văn	Đủ	Nam	09/09/2003	An Giang	7,7	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	9,0	8,2	Giỏi	
258	295	Võ Thanh	Hải	Nam	17/02/2004	An Giang	7,1	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	7,5	7,6	Khá	
259	296	Lê Thanh	Hoàng	Nam	29/06/2004	An Giang	7,4	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	7,9	Khá	
260	297	Dương Gia	Huy	Nam	19/08/2003	An Giang	7,0	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	7,5	7,5	Khá	
261	298	Nguyễn Phước	Huy	Nam	17/05/2004	An Giang	7,3	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	7,8	Khá	
262	299	Phan Thanh	Huỳnh	Nam	10/05/2004	An Giang	7,6	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	7,0	7,7	Khá	
263	300	Nguyễn Chí	Khang	Nam	24/10/2004	An Giang	7,7	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,0	8,1	Giỏi	
264	301	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	05/10/2001	An Giang	8,3	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	9,5	9,0	Xuất sắc	
265	302	Huỳnh Hồ Thanh	Liên	Nam	05/03/2004	An Giang	7,9	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	8,0	8,1	Giỏi	
266	303	Mai Hoàng	Long	Nam	14/06/2004	An Giang	7,2	C22CNO4	Công nghệ ô tô	7,5	7,0	7,2	Khá	
267	304	Phan Chí	Nghị	Nam	24/06/2004	An Giang	6,9	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	7,0	7,3	Khá	
268	305	Lương Thái	Phúc	Nam	07/03/2004	An Giang	7,3	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,5	8,0	7,7	Khá	
269	306	Nguyễn Hồng	Phương	Nam	08/05/2004	An Giang	7,6	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	8,0	8,0	Giỏi	
270	307	Phương Công	Sang	Nam	10/06/2002	An Giang	7,0	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	6,0	7,1	Khá	
271	308	Ngô Hoàng	Son	Nam	24/03/2004	Kiên Giang	8,3	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	9,5	9,0	Xuất sắc	
272	309	Hình Văn Tuấn	Thanh	Nam	09/09/2001	An Giang	8,1	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,5	8,5	8,5	Giỏi	
273	310	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	03/01/2004	An Giang	7,1	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	6,5	7,4	Khá	
274	311	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	24/05/2004	An Giang	7,5	C22CNO4	Công nghệ ô tô	10,0	7,5	7,9	Khá	
275	312	Trần Minh	Thuận	Nam	07/12/2003	An Giang	7,3	C22CNO4	Công nghệ ô tô	9,0	9,0	8,2	Giỏi	
276	313	Nguyễn Văn	Vện	Nam	18/07/2004	An Giang	7,4	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	7,5	7,5	Khá	
277	314	Huỳnh Quang	Vinh	Nam	19/05/2001	An Giang	7,8	C22CNO4	Công nghệ ô tô	6,0	8,5	7,7	Khá	
278	315	Nguyễn Tường	Vũ	Nam	27/02/2004	An Giang	8,0	C22CNO4	Công nghệ ô tô	8,0	9,5	8,5	Giỏi	
279	316	Hồ Minh	Vương	Nam	29/11/2004	An Giang	7,4	C22CNO4	Công nghệ ô tô	5,5	8,5	7,5	Khá	
280	317	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	28/08/2004	An Giang	8,2	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	9,0	8,1	Giỏi	
281	318	Lê Huy	Bằng	Nam	01/07/2003	An Giang	8,0	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	8,5	7,8	Khá	
282	319	Nguyễn Văn	Định	Nam	19/07/2004	An Giang	7,4	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,0	6,0	6,5	Trung bình	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
283	320	Đỗ Phúc	Hưng	Nam	14/02/2004	An Giang	7,6	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,0	6,7	Trung bình	
284	321	Nguyễn Thị Trâm	Hương	Nữ	18/11/1997	An Giang	8,6	C22CĐT1	Cơ điện tử	8,0	9,0	8,6	Giỏi	
285	322	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	14/01/2004	An Giang	8,2	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	9,0	8,1	Giỏi	
286	323	Cao Minh	Khang	Nam	24/03/2004	An Giang	7,7	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	6,5	7,0	Khá	
287	324	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	14/08/2004	An Giang	7,5	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	7,5	7,3	Khá	
288	325	Mai Thành	Lợi	Nam	30/04/2001	An Giang	8,4	C22CĐT1	Cơ điện tử	8,0	8,5	8,4	Giỏi	
289	327	Nguyễn Công	Luận	Nam	05/08/2004	An Giang	7,4	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,0	6,5	6,7	Trung bình	
290	328	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	09/03/2004	Kiên Giang	7,9	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,0	6,9	Trung bình	
291	329	Nguyễn Văn	Pháp	Nam	14/06/2004	An Giang	7,5	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,0	8,0	7,4	Khá	
292	330	Nguyễn Triệu	Phú	Nam	28/02/2004	An Giang	7,7	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	8,5	7,6	Khá	
293	331	Phan Út Na	Rin	Nam	25/02/2003	An Giang	7,4	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	8,0	7,5	Khá	
294	332	Bùi Quang	Sáng	Nam	04/06/2003	An Giang	7,8	C22CĐT1	Cơ điện tử	5,5	6,5	7,0	Khá	
295	333	Lê Ngọc	Son	Nam	04/12/2002	An Giang	8,3	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	9,0	8,2	Giỏi	
296	334	Trần Minh	Thuận	Nam	28/09/2004	An Giang	7,3	C22CĐT1	Cơ điện tử	7,0	6,5	7,0	Khá	
297	335	Đỗ Nhật	Trường	Nam	15/09/2004	An Giang	7,9	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	9,0	8,0	Giỏi	
298	336	Chau Ra	Vúth	Nam	05/03/2004	An Giang	7,5	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	7,5	7,3	Khá	
299	337	Đỗ Huỳnh Vĩnh	Anh	Nam	10/10/2004	An Giang	8,3	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Cầu tạo kiến trúc
300	338	Ngô Gia	Bảo	Nam	04/06/2004	An Giang	7,8	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	8,5	8,2	Khá	Thi lại: Cơ xây dựng; Cầu tạo kiến trúc
301	339	Đỗ Văn	Hóa	Nam	27/09/2002	An Giang	7,2	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,0	7,5	7,6	Khá	
302	340	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	06/09/2004	An Giang	8,2	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	9,0	8,5	Giỏi	Thi lại: Kỹ năng thực hành xã hội
303	341	Trần Thanh	Huy	Nam	25/01/2004	An Giang	7,5	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	6,5	7,5	Khá	
304	342	Lâm Quốc	Huy	Nam	29/11/2004	An Giang	7,9	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	7,0	7,0	7,5	Khá	
305	343	Nguyễn Hoàng	Khải	Nam	16/09/2004	An Giang	7,4	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	7,0	7,7	Khá	
306	344	Hồ Thanh	Khang	Nam	18/05/1997	An Giang	8,9	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,5	9,0	Xuất sắc	
307	345	Dương Tuấn	Khanh	Nam	08/01/2004	An Giang	7,2	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,5	7,0	7,4	Khá	
308	346	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	19/08/2003	An Giang	7,2	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	7,0	7,3	Khá	
309	347	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	20/01/2004	An Giang	7,9	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	8,0	8,0	Giỏi	
310	348	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	28/03/2004	An Giang	8,0	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	9,0	8,7	Giỏi	
311	349	Trịnh Tấn	Lợi	Nam	10/01/1996	An Giang	8,5	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	9,0	8,8	Giỏi	
312	350	Nguyễn Trần Lâm	Nhật	Nam	10/06/2002	An Giang	8,3	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	6,0	9,5	8,3	Giỏi	
313	351	Dương Huy	Nhật	Nam	30/04/2004	An Giang	7,4	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	9,5	8,5	8,1	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
314	352	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	15/12/2004	An Giang	7,3	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,0	8,0	Khá	Thi lại: Cầu tạo kiến trúc; Nguyên lý thiết kế kiến trúc Học lại: Tiếng anh
315	353	Dương Hoài	Phuong	Nam	06/06/1999	An Giang	8,5	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	9,0	8,9	Giỏi	
316	354	Lê Trọng	Sĩ	Nam	07/01/2004	An Giang	7,4	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	8,0	6,5	7,2	Khá	
317	355	Trần Trung	Việt	Nam	18/06/2002	An Giang	7,4	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	5,0	7,0	6,9	Trung bình	
318	356	Lê Thị	Ý	Nữ	07/06/2004	An Giang	8,0	C22KXD1	Kỹ thuật xây dựng	10,0	8,0	8,3	Giỏi	
319	357	Lưu Minh Thúy	Ái	Nữ	16/12/2003	An Giang	8,9	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	9,0	8,6	Giỏi	
320	358	Huỳnh Thị Bé	Dung	Nữ	23/03/2003	An Giang	8,6	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	10,0	8,5	8,8	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
321	359	Trần Thị Ngân	Hà	Nữ	19/10/2004	An Giang	7,9	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	8,2	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
322	360	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	26/12/2004	An Giang	7,0	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	7,5	7,6	Khá	
323	361	Bùi Kim	Hồng	Nữ	08/02/2004	Kiên Giang	7,0	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	8,0	Khá	Thi lại: Nghiệp vụ lễ tân; Tổng quan du lịch và khách sạn Học lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng; Xây dựng thực đơn; Anh văn chuyên ngành 1
324	362	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	27/10/2004	Đồng Tháp	8,5	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	8,5	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
325	363	Trần Thị Thúy	Huỳnh	Nữ	31/08/2004	An Giang	7,7	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	8,5	8,1	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
326	364	Đinh Minh	Khang	Nam	07/10/2004	An Giang	8,5	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	8,8	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
327	365	Nguyễn Trần Bảo	Khanh	Nam	09/11/2004	An Giang	8,1	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	8,0	7,9	Khá	
328	366	Nguyễn Phùng Thành	Long	Nam	01/09/2004	An Giang	7,8	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,0	8,0	7,6	Khá	
329	367	Trần Minh	Luận	Nam	24/08/2004	An Giang	7,3	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,5	8,0	7,4	Khá	
330	368	Nguyễn Mỹ	Mỹ	Nữ	23/11/2004	An Giang	8,2	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,5	8,0	8,4	Giỏi	
331	369	Hồ Trần Tuyết	Ngọc	Nữ	29/07/2004	An Giang	8,7	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	9,0	9,0	8,9	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
332	370	Phương Thị Thanh	Nhàn	Nữ	09/10/2004	An Giang	9,1	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	9,0	9,0	Xuất sắc	
333	371	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	Nữ	06/01/2004	An Giang	8,9	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,5	9,0	8,7	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
334	372	Võ Bích	Phượng	Nữ	25/07/2004	An Giang	7,7	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	8,0	Khá	Thi lại: Tổng quan du lịch và khách sạn; Quản trị doanh nghiệp Học lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
335	373	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	16/06/2004	An Giang	8,4	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,5	8,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
336	374	Lê Minh	Thái	Nam	25/12/2001	An Giang	7,2	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,0	7,5	7,1	Khá	
337	375	Bùi Thị Thu	Thủy	Nữ	09/01/2002	An Giang	8,0	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	8,2	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
338	376	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	10/08/2004	Tây Ninh	7,8	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,5	8,0	8,0	Khá	Thi lại: Tổng quan du lịch và khách sạn; Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
339	377	Lê Đức	Trí	Nam	18/05/2004	An Giang	8,0	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	8,0	8,0	8,0	Khá	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng; Nghiệp vụ lễ tân
340	378	Đinh Ngọc	Tuấn	Nam	20/10/1995	An Giang	8,1	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	7,0	7,5	7,7	Khá	
341	379	Châu Quang	Vinh	Nam	01/07/1998	Cần Thơ	8,7	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	5,5	6,5	7,4	Khá	
342	380	Huỳnh Võ Khánh	Vy	Nữ	10/04/2004	An Giang	8,3	C22QNH1	Quản trị nhà hàng	6,5	8,0	7,9	Khá	
343	381	Trần Thị Bích	Châu	Nữ	17/03/2004	An Giang	8,4	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	8,5	8,5	Giỏi	
344	382	Thái Anh	Duy	Nam	05/08/2004	An Giang	8,0	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	6,5	7,2	Khá	
345	383	Trần Thị Ngọc	Duyên	Nữ	13/03/2004	An Giang	8,7	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	10,0	8,0	8,7	Giỏi	
346	384	Bùi Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/09/2004	An Giang	7,4	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	7,5	7,2	Khá	
347	385	Dương Tấn	Hoàng	Nam	25/04/2004	An Giang	7,7	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	7,0	7,8	Khá	
348	386	Võ Phạm Nhựt	Khánh	Nam	30/07/2004	An Giang	7,3	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	8,5	7,7	Khá	
349	387	Nguyễn Lê Đình	Khôi	Nam	15/10/2004	An Giang	7,8	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	7,5	7,9	Khá	
350	388	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	Nữ	05/02/2000	An Giang	8,9	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,5	9,0	8,9	Giỏi	Thi lại: Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng
351	389	Nguyễn Thảo	Nghi	Nữ	19/02/2004	An Giang	7,9	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,0	8,5	8,1	Giỏi	Thi lại: Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
352	390	Nguyễn Tâm	Như	Nữ	29/04/2004	An Giang	7,8	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	9,0	8,1	Khá	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng; Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng
353	391	Trần Văn	Nhật	Nam	22/03/2003	An Giang	8,0	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,5	8,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Nghiệp vụ lễ tân
354	392	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	04/11/2004	An Giang	7,6	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	8,4	Khá	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng; Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng
355	393	Bùi Thanh	Quý	Nam	03/08/2004	An Giang	7,6	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	7,0	7,7	Khá	
356	394	Trương Thị Cẩm	Quyên	Nữ	05/11/2003	An Giang	8,5	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	8,8	Giỏi	
357	395	Phạm Thị	Quyên	Nữ	14/02/2004	Kiên Giang	8,2	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,5	9,0	8,7	Giỏi	Thi lại: Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng
358	396	Nguyễn Hoàng	Quyển	Nam	20/07/2004	An Giang	7,4	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	5,5	7,5	7,1	Khá	
359	397	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	03/06/2004	An Giang	7,7	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	8,0	8,0	7,9	Khá	
360	398	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	17/07/2004	An Giang	7,6	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	7,0	7,1	Khá	
361	399	Nguyễn Minh	Trâm	Nữ	15/02/2004	An Giang	7,9	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	7,0	8,0	7,8	Khá	
362	400	Lê Bảo	Trân	Nữ	13/09/2004	An Giang	8,8	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	10,0	9,0	9,1	Xuất sắc	
363	401	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	Nữ	03/03/2004	An Giang	8,6	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	6,0	8,0	8,0	Khá	Thi lại: Quản trị kinh doanh nhà hàng; Lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng; Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng
364	402	Tạ Thị Kim	Xuyến	Nữ	18/01/2004	An Giang	7,7	C22QNH2	Quản trị nhà hàng	9,0	8,0	8,0	Giỏi	
365	403	Nguyễn Thị Huế	Châu	Nữ	17/02/2004	An Giang	7,3	C22MTT1	May thời trang	6,0	8,0	7,3	Khá	
366	404	Nguyễn Thị Thái	Duyên	Nữ	01/02/2004	An Giang	9,0	C22MTT1	May thời trang	10,0	9,5	9,3	Xuất sắc	
367	405	Trần Bảo Minh	Hiếu	Nữ	03/05/2003	Sóc Trăng	7,5	C22MTT1	May thời trang	9,0	8,5	8,1	Khá	Thi lại: Thiết kế áo dài Học lại: Tin học
368	406	Huỳnh Thị Mai	Hương	Nữ	01/07/2004	An Giang	7,4	C22MTT1	May thời trang	7,5	9,5	8,1	Giỏi	Học lại: Tin học
369	407	Trương Gia	Huy	Nam	12/11/2003	An Giang	8,5	C22MTT1	May thời trang	9,5	8,5	8,7	Giỏi	Thi lại: Công nghệ trái và cắt bán thành phẩm
370	408	Huỳnh Thảo	Lam	Nữ	20/09/2004	An Giang	6,9	C22MTT1	May thời trang	8,5	8,5	7,7	Khá	
371	409	Dương Thị Trúc	Linh	Nữ	15/10/2004	An Giang	6,9	C22MTT1	May thời trang	7,5	8,5	7,5	Khá	
372	410	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	04/09/2004	An Giang	8,4	C22MTT1	May thời trang	9,5	9,0	8,8	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
373	411	Lê Thị Kim	Ngọc	Nữ	26/02/2002	An Giang	6,7	C22MTT1	May thời trang	7,5	7,0	6,9	Trung bình	
374	412	Nguyễn Thanh	Nhã	Nam	10/06/2004	Cần Thơ	7,3	C22MTT1	May thời trang	8,5	8,0	7,7	Khá	
375	413	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	18/10/2004	Đồng Tháp	8,9	C22MTT1	May thời trang	10,0	9,0	9,1	Xuất sắc	
376	414	Phan Thị Yến	Nhi	Nữ	24/04/2004	Đồng Tháp	7,5	C22MTT1	May thời trang	9,5	8,0	8,0	Giỏi	Thi lại: Thiết kế áo sơ mi, quần âu
377	415	Phạm Thị Thảo	Như	Nữ	06/06/2004	An Giang	6,9	C22MTT1	May thời trang	6,5	8,0	7,2	Khá	
378	416	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	03/08/2004	An Giang	8,8	C22MTT1	May thời trang	9,5	10,0	9,3	Xuất sắc	
379	417	Phạm Kim	Phượng	Nữ	20/10/2004	An Giang	7,7	C22MTT1	May thời trang	9,5	9,0	8,4	Giỏi	
380	418	Lê Ngọc	Son	Nữ	30/01/2004	An Giang	7,7	C22MTT1	May thời trang	8,5	7,5	7,8	Khá	
381	419	Dương Thị Anh	Thư	Nữ	03/10/2004	An Giang	7,0	C22MTT1	May thời trang	8,0	7,5	7,3	Khá	
382	420	Mai Nguyễn Minh	Trúc	Nữ	15/09/2004	An Giang	8,0	C22MTT1	May thời trang	9,5	8,0	8,3	Giỏi	Thi lại: Thiết kế áo dài
383	421	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	15/06/2004	An Giang	8,4	C22MTT1	May thời trang	10,0	8,5	8,7	Giỏi	
384	422	Huỳnh Thị Tường	Vi	Nữ	09/01/2004	Đồng Tháp	8,6	C22MTT1	May thời trang	9,5	9,5	9,1	Xuất sắc	
385	423	Trương Thị Kim	Yến	Nữ	07/10/2004	An Giang	8,2	C22MTT1	May thời trang	10,0	8,0	8,4	Giỏi	
386	424	Doãn Tâm	Bằng	Nam	19/04/2003	An Giang	8,3	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9,0	6,0	7,7	Khá	
387	425	Trương Tấn	Bảo	Nam	11/01/2004	Bình Dương	7,2	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	6,0	7,0	6,9	Trung bình	
388	426	Lưu Vĩ	Càng	Nam	26/02/2004	An Giang	8,3	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9,5	7,5	8,2	Giỏi	
389	427	Lý	Hiếu	Nam	18/10/2004	An Giang	7,3	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	8,0	5,5	6,8	Trung bình	
390	428	Nguyễn Long	Huy	Nam	13/01/2004	An Giang	7,1	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	7,0	6,5	6,9	Trung bình	
391	429	Châu Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	06/12/2004	An Giang	7,9	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	10,0	7,0	8,0	Giỏi	
392	430	Nguyễn Quang	Nguyên	Nam	14/10/2004	An Giang	6,9	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	7,0	6,0	6,6	Trung bình	
393	431	Trần Văn	Tánh	Nam	09/04/1996	Cần Thơ	8,2	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	9,5	7,5	8,2	Giỏi	
394	432	Nguyễn Phú	Thiên	Nam	23/05/2004	An Giang	7,2	C22TĐH1	CN. KT điều khiển và TĐH	10,0	6,0	7,3	Khá	
395	433	La Nhật	Anh	Nam	22/08/2004	An Giang	7,7	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,0	7,5	7,5	Khá	
396	434	Huỳnh Văn	Cảnh	Nam	19/10/2004	An Giang	7,6	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,5	7,5	7,6	Khá	
397	435	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	25/09/2004	An Giang	7,5	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	8,0	7,3	Khá	
398	436	Trần Quang	Dinh	Nam	23/02/2004	Kiên Giang	7,9	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,0	7,7	Khá	
399	437	Đặng Hoàng	Duy	Nam	10/04/2004	Cần Thơ	7,8	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	7,5	Khá	
400	438	Phan Thanh	Duy	Nam	19/09/2004	An Giang	7,6	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,0	7,0	7,1	Khá	
401	439	Trần Huy	Hoàng	Nam	19/02/2004	Kiên Giang	7,1	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	7,1	Khá	
402	440	Hình Quốc	Huy	Nam	29/05/2000	Cần Thơ	8,1	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,5	7,6	Khá	
403	441	Võ Đăng	Khoa	Nam	03/11/2004	An Giang	7,5	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,0	7,2	Khá	
404	442	Hồ Minh	Khôi	Nam	24/06/2004	Bạc Liêu	7,9	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,5	7,9	Khá	
405	443	Lâm Trung	Kiên	Nam	27/09/2004	An Giang	8,1	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,5	7,5	8,1	Giỏi	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
406	444	Nguyễn Hùng	Kiên	Nam	26/09/2003	An Giang	8,3	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	8,5	8,5	Giỏi	
407	445	Chau Sây	La	Nam	19/01/2004	An Giang	7,9	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,0	8,0	8,0	Giỏi	Thi lại: Vật liệu cơ khí
408	446	Chau Bô	Na	Nam	29/05/2002	An Giang	7,3	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,5	7,0	6,9	Trung bình	
409	447	Phan Văn	Quốc	Nam	24/05/2003	An Giang	7,5	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	7,5	7,1	Khá	
410	448	Nguyễn Hải	Tâm	Nam	13/01/2003	Cần Thơ	7,2	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	7,0	7,4	Khá	
411	449	Trần Bình	Tấn	Nam	03/08/2003	An Giang	8,2	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	9,0	8,5	8,4	Giỏi	
412	450	Lâm Trí	Thanh	Nam	04/01/2004	Đồng Tháp	7,2	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,0	7,0	6,8	Trung bình	
413	451	Phạm Hữu	Trí	Nam	07/09/2004	An Giang	7,6	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8,5	7,0	7,6	Khá	
414	452	Ngô Đức	Trung	Nam	13/10/2004	Đồng Tháp	7,5	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,5	7,0	7,3	Khá	
415	453	Vũ Hưng	Tùng	Nam	04/08/2004	TP.HCM	7,2	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	5,5	6,5	6,7	Trung bình	
416	454	Nguyễn Cao Kỳ	Vĩ	Nam	04/08/2004	An Giang	7,8	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7,0	7,0	7,4	Khá	
417	455	Phạm Trường	Vũ	Nam	29/10/2004	An Giang	7,7	C22LĐC1	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6,5	7,0	7,3	Khá	
418	456	Huỳnh Chí	Bảo	Nam	04/02/2004	An Giang	7,3	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	6,5	7,2	Khá	
419	457	Lê Trí	Bảo	Nam	25/11/2001	An Giang	7,8	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,0	7,7	Khá	
420	458	Trần Gia	Bảo	Nam	28/09/2004	An Giang	7,0	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,0	6,6	Trung bình	
421	459	Nguyễn Hoàng	Chương	Nam	14/07/2004	An Giang	7,6	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	5,5	7,3	Khá	
422	460	Lê Tiến	Đạt	Nam	19/08/2003	An Giang	8,9	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	9,0	9,1	Xuất sắc	
423	461	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	15/07/2004	An Giang	8,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	8,0	8,5	Giỏi	Thi lại: Hệ thống máy lạnh công nghiệp 1
424	462	Nguyễn Hữu	Đầy	Nam	24/10/2001	Đồng Tháp	8,2	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	5,5	7,4	Khá	
425	463	Cao Thanh	Điền	Nam	27/04/2002	An Giang	8,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,5	8,5	Giỏi	
426	464	Nguyễn Anh	Đô	Nam	29/12/2003	An Giang	7,9	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,5	7,6	Khá	
427	465	Huỳnh Văn	Được	Nam	09/06/2002	An Giang	8,1	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	7,8	Khá	
428	466	Dương Công Sĩ	Em	Nam	20/07/2003	An Giang	8,3	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	9,5	8,8	Giỏi	
429	467	Đặng Hoàng	Hiệp	Nam	24/03/2004	An Giang	8,1	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	7,9	Khá	
430	468	Lê Phước	Hoài	Nam	21/09/2004	An Giang	7,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	6,0	7,4	Khá	
431	469	Phạm Duy	Khánh	Nam	29/06/2004	An Giang	7,9	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,5	7,9	Khá	
432	470	Nguyễn Quốc	Linh	Nam	16/05/2000	An Giang	8,3	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,5	8,1	Giỏi	
433	471	Lê Kiến	Nghị	Nam	09/09/2004	An Giang	7,8	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,0	7,4	Khá	
434	472	Lê Văn	Ngoan	Nam	16/11/2003	An Giang	7,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	7,4	Khá	
435	473	Huỳnh Thanh	Phong	Nam	20/10/2004	An Giang	7,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	7,4	Khá	
436	474	Nguyễn Thiện	Phú	Nam	16/08/2003	An Giang	7,3	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,0	7,4	Khá	
437	475	Lý Văn	Sang	Nam	15/04/2003	An Giang	7,4	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	7,5	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
438	476	Trần Văn	Sĩ	Nam	17/03/2003	An Giang	8,1	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	8,0	8,3	Giỏi	Thi lại: Hệ thống máy lạnh công nghiệp 1
439	477	Lê Huỳnh Hồng	Tá	Nam	15/11/2003	An Giang	8,5	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,0	8,3	Giỏi	Thi lại: Hệ thống máy lạnh công nghiệp 1
440	478	Phan Minh	Tâm	Nam	26/01/2004	An Giang	7,7	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	7,7	Khá	
441	479	Vũ Đức	Thắng	Nam	12/08/2003	An Giang	7,5	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,0	7,6	Khá	
442	480	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	02/08/2003	An Giang	7,6	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	9,0	8,2	Giỏi	
443	481	Nguyễn Hà Minh	Triết	Nam	30/06/2004	An Giang	8,2	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,0	7,9	Khá	
444	482	Nguyễn Thanh Minh	Trung	Nam	05/11/2001	An Giang	8,0	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	9,0	8,1	Giỏi	Thi lại: Điện tử chuyên ngành lạnh
445	483	Võ Thanh	Trường	Nam	18/02/2002	An Giang	7,3	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	6,0	6,7	Trung bình	
446	484	Bùi Hà Các	Tường	Nữ	21/01/2003	Cần Thơ	7,1	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	6,0	6,6	Trung bình	
447	485	Nguyễn Quốc	Vinh	Nam	22/07/2003	An Giang	7,6	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	8,5	8,0	Giỏi	
448	486	Huỳnh Phú	Yên	Nam	23/04/2001	An Giang	8,6	C22KTL1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	9,0	8,6	Giỏi	
449	487	Nguyễn Hồng	Chương	Nam	14/03/2004	An Giang	7,5	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	8,5	7,7	Khá	
450	488	Phan Minh	Cường	Nam	15/11/2004	An Giang	7,7	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	7,1	Khá	
451	489	Trương Văn	Đém	Nam	09/07/1994	An Giang	8,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	8,5	8,4	Giỏi	
452	490	Nguyễn Thanh	Điền	Nam	28/08/2004	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,5	7,5	Khá	
453	491	Đinh Thành	Duy	Nam	30/03/2004	An Giang	8,1	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	6,5	7,5	Khá	
454	492	Hồ Tuấn	Giao	Nam	07/07/2004	An Giang	8,9	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	8,0	8,7	Giỏi	
455	493	Trần Nhựt	Hào	Nam	13/07/2004	An Giang	6,9	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,0	6,5	Trung bình	
456	494	Lê Vinh	Hiển	Nam	18/05/2000	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,5	7,5	Khá	
457	495	Ngô Đức	Khang	Nam	25/09/2004	An Giang	8,0	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	7,8	Khá	
458	496	Nguyễn Quốc	Khanh	Nam	09/01/2004	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	8,5	8,1	Giỏi	
459	497	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	26/08/2004	An Giang	7,7	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	9,0	8,2	Khá	Thi lại: Tiếng anh; Tin học
460	498	Đào Trung	Kiên	Nam	30/09/2003	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,0	7,5	Khá	
461	499	Lưu Đình	Lê	Nam	10/11/2004	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,0	7,3	Khá	
462	500	Nguyễn Chí	Linh	Nam	08/06/2004	An Giang	8,0	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	10,0	6,0	7,7	Khá	
463	501	Lý Phước	Lộc	Nam	03/05/2004	An Giang	7,4	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,0	7,3	Khá	
464	502	Dương Hoài	Nam	Nam	04/12/2004	An Giang	7,4	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	7,0	7,0	Khá	
465	503	Nguyễn Thanh Nhân	Nghĩa	Nam	24/02/2004	An Giang	7,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	7,2	Khá	
466	504	Lê Thành	Nghĩa	Nam	31/07/2004	An Giang	8,0	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	6,5	7,3	Khá	
467	505	Phan Thành	Ngoan	Nam	20/07/2004	An Giang	7,6	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	7,0	7,2	Khá	
468	506	Dương Trọng	Nhân	Nam	20/04/2004	An Giang	7,7	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	6,5	7,2	Khá	

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành			
469	507	Đặng Doãn Hoài	Nhân	Nam	28/03/2004	An Giang	7,7	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	7,0	7,7	Khá	
470	508	Châu Phước	Phong	Nam	31/12/2004	Kiên Giang	7,4	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	7,5	7,4	Khá	
471	509	Đỗ Việt	Quang	Nam	22/09/2003	An Giang	7,9	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,5	7,5	7,7	Khá	
472	510	Trần Văn	Quyển	Nam	12/12/2004	An Giang	8,2	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,0	7,0	7,9	Khá	
473	511	Lê Vĩnh	Thái	Nam	02/06/2004	An Giang	7,7	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,0	7,0	7,2	Khá	
474	512	Nguyễn Ngọc	Thái	Nam	11/04/2004	An Giang	7,4	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	7,0	7,0	Khá	
475	513	Trương Dương	Thanh	Nam	04/09/2004	An Giang	7,6	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	8,0	7,4	Khá	
476	514	Nguyễn Văn	Thiện	Nam	23/12/2004	An Giang	7,6	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	7,0	7,0	Khá	
477	515	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	16/09/2004	An Giang	8,0	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	8,5	8,3	Giỏi	
478	516	Phạm Văn	Tiến	Nam	14/08/2004	An Giang	7,9	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,0	7,6	Khá	
479	517	Nguyễn Văn Quốc	Toàn	Nam	04/05/2004	Cần Thơ	8,8	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	7,5	8,2	Giỏi	
480	518	Trương Thanh	Trường	Nam	26/06/2004	An Giang	8,1	C22KTL2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,5	7,0	7,8	Khá	

Tổng cộng danh sách có 480 sinh viên được công nhận tốt nghiệp./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Hải

DANH SÁCH
Sinh viên không được công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22 - Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp		Ghi chú
										Lý thuyết	Thực hành	
1	35	Lê Nguyễn Bình	Khương	Nam	27/08/2004	An Giang	6,5	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	2,0	3,0	CĐ
2	39	Bùi Dương Như	Ngọc	Nữ	27/06/2004	An Giang	6,7	C22KDN2	Kế toán doanh nghiệp	1,5	5,0	CĐ
3	126	Phùng Trung	Tính	Nam	25/04/2004	An Giang	6,6	C22QTM1	Quản trị mạng máy tính	V	V	CĐ
4	264	Trần Bình	Trọng	Nam	16/05/2004	An Giang	7,6	C22CNO2	Công nghệ ô tô	1,0	7,5	CĐ
5	326	Lê Hiệp	Lợi	Nam	07/07/2000	An Giang	7,8	C22CĐT1	Cơ điện tử	6,5	4,0	CĐ

Tổng cộng danh sách có 05 sinh viên không được công nhận tốt nghiệp./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hải

DANH SÁCH

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa K5
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22 - Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 687/QĐ-CDN, ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang)

STT	SBD	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTk	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp			Trung bình XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
									Chính trị	Lý thuyết	Thực hành			
1	64	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	17/05/2002	An Giang	8,2	C-QNH/K5	Quản trị nhà hàng	8,0	5,5	6,5	7,2	Trung bình khá	Môn lý thuyết thi lại 02 lần
2	520	Trần Tiến Đạt	Nam	24/10/2003	An Giang	7,0	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	5,0	5,5	6,2	Trung bình khá	Đủ ĐK 2025
3	521	Trần Hữu Duyên	Nam	20/07/2003	An Giang	6,9	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	5,0	5,5	6,1	Trung bình khá	Đủ ĐK 2025
4	523	Nguyễn Hồng Thịnh	Nam	05/05/2003	An Giang	6,5	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình	Đủ ĐK 2025
5	524	Văng Công Tùng	Nam	23/07/2003	An Giang	6,4	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	6,5	5,5	6,5	6,3	Trung bình khá	Đủ ĐK 2025
6	525	Ngô Văn Hiếu	Nam	12/12/2003	An Giang	7,4	C-KTL/K5.2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	7,0	5,5	6,5	6,8	Trung bình khá	Đủ ĐK 2025
7	526	Huỳnh Văn Tuấn Huy	Nam	18/05/2003	An Giang	7,4	C-KTL/K5.2	KT. Máy lạnh và ĐHKK	5,0	6,0	7,0	7,0	Khá	Đủ ĐK 2025

Tổng cộng danh sách có 07 sinh viên được công nhận tốt nghiệp./.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hải

DANH SÁCH
Sinh viên không được công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa K5
Kỳ thi tốt nghiệp trình độ cao đẳng khóa C22 - Khóa ngày 17 tháng 3 năm 2025

STT	SBD	Họ và tên		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	TBTK	Lớp	Nghề	Kết quả thi tốt nghiệp			Ghi chú
										Chính trị	Lý thuyết	Thực hành	
1	519	Đặng Bảo	Chấn	Nam	21/02/2003	An Giang	6,8	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	8,0	4,0	5,5	Đủ ĐK 2025
2	522	Trần Vĩ	Khang	Nam	26/03/2003	An Giang	7,0	C-KTL/K5.1	KT. Máy lạnh và ĐHKK	9,5	4,0	6,0	Đủ ĐK 2025

Tổng cộng danh sách có 02 sinh viên không được công nhận tốt nghiệp./.


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Hải